

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+BK6+BK5	7:25	15+4+0	0+0+0		11+1+10	0+0+0	Chuyen 3 BK6-BK5
2		PVD1+BK6+P7	7:25	17+0+0	0+0+0		11+2+0	0+0+0	Chuyen 8 BK6-P7
3		P9+CLO+BK15	7:25	18+0+2	0+0+0		16+0+6	0+0+0	Chuyen 1 P9-CLO, Chuyen 2 P9-BK15
4		RC4+RP2+MRM	9:25	0+1+13	0+0+0		1+0+11	0+0+0	Chuyen 1 RC4-RP2
5		P2+P11+TD3	9:25	16+2+1	0+0+0		13+2+0	0+0+0	Chuyen 5 P11-TD3
6		BK4+P10+P4	11:25	3+6+8	0+0+0		3+10+0	0+0+0	Chuyen 1 P10-P4
7		BK3+BK10+P9	11:25	6+10+0	0+0+0		3+3+5	0+0+0	chuyen 1 bk3-bk10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

- 1/1 người BK6 về bờ đi P4
- 2/1 người P9 về bờ đi TD3
- 3/1 người P10 về bờ đi RP2
- 4/1 người BK6 về bờ đi BK3



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2022	TO: P10 - BK6 - BK5	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHải - ĐỨC - dũng	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH THINH	P10	45-46	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH HAI	P10	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ĐUC BA	P10	33	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TAT THANH	P10	41,44	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM HUYNH VU	P10	35	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH KHOA	P10	40	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH CUONG	P10	42	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TOAN	P10	37	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CUONG	P10	31	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BAO LAM	P10	43	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HIEU LIEM	P10	30	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN THUYET	P10	32	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG VAN MINH	P10	36	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM DUY QUANG	P10	34	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN LOI	P10	38	1	6	20	63	KH-THAC	Vietnamese
16	VU CONG VIEN	BK6	13	1	11		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC TUAN	BK6	14-15	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LE CONG BINH	BK6	16-17	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM TIEN HAI	BK6	18	1	10	13	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	17	94	1.023	20	11		chuyen 3 khách BK6 sang BK5
2	BK6	4	6	51	272	13	1 + 3		
3	BK5	0	0	0	0	15	10		
TOTAL		19	23	145	1.295	48	22		
WEIGHT KG				145	1.295	48			

GRAND TOAL: 1.488 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2022	TO: PVD1 - BK6 - P7	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	PVD1	60-61	2	15		76	PVD DD	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC DŨNG	PVD1	51-52	2	15		84	PVD DD	Vietnamese
3	BUI THANH TÙNG	PVD1	66-67	2	14		90	PVD	Vietnamese
4	ĐOÀN MINH DUƠNG	PVD1	50	1	8		62	PVD	Vietnamese
5	PHẠM TÀI TU	PVD1	70	1	10		65	PVD	Vietnamese
6	LÊ ANH PHƯỚC	PVD1	71-72	2	15		95	PVD	Vietnamese
7	TRƯƠNG VIỆT QUANG	PVD1	53	1	9		72	PVD	Vietnamese
8	ĐOÀN NGỌC LÂN	PVD1	54	1	7		65	PVD	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HIẾU	PVD1	75-76	2	18	24	83	PVDO	Vietnamese
10	LẠI VĂN CUÔNG	PVD1	73-74	2	20		65	PVDO	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH TÍNH	PVD1	69	1	8		69	PVD	Vietnamese
12	NGUYỄN TIỀN VINH	PVD1	77	1	9		72	PVD	Vietnamese
13	PHẠM ANH SƠN	PVD1	68	1	5		81	PVD	Vietnamese
14	PHAN LÊ MINH TOÀN	PVD1	63	1	7		85	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN QUỐC VIỆT	PVD1	62	1	7		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD1	64	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	PVD1	65	1	11		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	17	23	188	1.275	24	11		CHUYEN 8 PAX TU BK6 SANG P7
2	BK6	0	0	0	0	35	2		
3	P7	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		17	23	188	1.275	59	13		
WEIGHT KG				188	1.275	59			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: P9 - CLO - BK15	CREW: TTrung - VLin - Vũ	ETA: 09:15
CAM - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VASIANKIN	P9	88	1	14		115	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LINH	P9	79-81	3	17		69	KH-THAC	Vietnamese
3	IAKIMIDI	P9	87	1	8		100	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ VĂN THOAI	P9	76	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC THAN	P9	91	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO AN CHUNG	P9	75	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MINH THUY	P9					85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT CUONG	P9	83	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ SĨ BÌNH	P9	86	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BẢNG	P9	78	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN DŨNG	P9	90	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÀ	P9	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	92	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC THANH	P9	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HAI	P9	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	84-85	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ VU	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK15	28	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	29	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	17	18	108	1.292	0	16	3	CHUYEN 1 P9 - CLO, CHUYEN 2 P9 - BK15
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	BK15	2	2	9	131	0	6		
TOTAL		19	20	117	1.423	0	22		
WEIGHT KG				117	1.423	0			

GRAND TOAL: 1.540 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: RC4 - RP2 - BK20 - MRM	CREW: Nam - TRUÔNG - N Nam	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUANG LOI	RP2	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ALEXANDER POPOV	MRM	22	1	10		86	HALLIBUR	Russian
3	TIKHONOV EVGENY	MRM	31-32	2	15		97	AMNGR	Russian
4	KOTIKOV ALEXEY	MRM	27-28	2	17		104	AMNGR	Russian
5	SELIVANOV VLADISLAV	MRM	29	1	5		72	AMNGR	Russian
6	KOSTYLEV SERGEY	MRM	33,67	2	10		89	AMNGR	Russian
7	NIKOLAENKO VADIM	MRM	30	1	16		92	AMNGR	Russian
8	LE HUU NGHIA	MRM	24	1	8		74	AMNGR	Vietnamese
9	NGUYEN HONG MINH	MRM	25-26	2	13		75	AMNGR	Vietnamese
10	NGUYEN HUU TAN	MRM	21	1	6		50	AMNGR	Vietnamese
11	CHU VAN LAI	MRM	17-18	2	10	15	71	AMNGR	Vietnamese
12	NGUYEN MINH KHOAN	MRM	23	1	13		86	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LOI	MRM	15-16	2	20		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	0	0	0	0	15	1	1	CHUYEN 1 PAX RC4 SANG RP2 CHUYEN 1 PAX BK20 SANG MRM
2	RP2	1	1	10	70	0	0	0	
3	BK20	0	0	0	0	0	0	1	
4	MRM	12	18	143	959	15	11		
TOTAL		13	19	153	1.029	30	12		
WEIGHT KG				153	1.029	30			

GRAND TOAL: 1.212 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2022	TO: P2 - P11 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - VLinH - Vũ	ETA: 11:25
007-2.			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAKHARIN SERGAY	P2	50	1	15		110	KH-THAC	Russian
2	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	41	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	P2	44-45	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THANH LONG	P2	43	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐUÔNG VĂN THUẬN	P2	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2	40	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HA VĂN TRUNG	P2	47-48	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	42	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P2	46	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THẮNG	P2	400	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU PHI	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2				10	67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TÀI	P11	20	1	6	15	63	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VIỆT DŨNG	P11	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO KINH THAO	TD3	96	1	13	13	71	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	12	84	900	10	9		CHUYỂN 5 PAX P11 SANG TD3
2	P11	2	2	11	133	15	2		
3	TD3	1	1	13	71	13	0		
TOTAL		15	15	108	1.104	38	11		
WEIGHT KG				108	1.104	38			

GRAND TOAL: 1.250 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	TO: BK4 - P10 - P4	CREW: Dương - QViệt - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIỀN DŨNG	BK4	07	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4				30	73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIỀN	BK4	08	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGOC THANH	P10	50-51	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO QUANG HUNG	P10	54-55	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TIỀN PHÁT	P10	52	1	10	17	70	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI QUANG ANH	P10	48	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐINH VŨ TIỀN	P4	04	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THUẬN	P4	01,45	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN MINH HOANG	P4	14	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
12	HUYNH ĐỨC TÂM	P4	05	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN KIM HƯƠNG	P4	02-03	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CẢNH LUYỆN	P4	22	1	12	10	67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P4	20-21	2	14		78	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN DUNG	P4	15-16	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	2	13	213	30	4		CHUYỂN 1 PAX P10 SANG P4
2	P10	5	6	40	347	32	9	41	
3	P4	8	12	112	560	10	0		
TOTAL		16	20	165	1.120	72	13		
WEIGHT KG				165	1.120	72			

GRAND TOAL: 1.357 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2022	TO: BK3 - BK10 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - HIẾU	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DUY KHUONG	BK3	15	1	6	35	65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CONG THANH	BK3	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH HAI	BK3	14	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TIEN DUNG	BK3	17	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH DANH	BK3	18-19	2	10		56	CODIEN	Vietnamese
6	LE TRONG LINH	BK3	20	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG DUNG	BK10	45	1	6	50	62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CONG TAN	BK10	50	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO TUAN HUNG	BK10	47	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HOANG GIANG	BK10	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUAN THUY	BK10	46	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN SACH DON	BK10	43	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN CHUONG	BK10	49	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUY TAI	BK10	44	1	12		59	KH-THAC	Vietnamese
15	VU DINH DAI	BK10	35-36	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	6	7	49	410	35	3		CHUYEN 1 PAX BK3 SANG BK10
2	BK10	9	10	75	594	50	3		
3	P9	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		15	17	124	1.004	85	11		
WEIGHT KG				124	1.004	85			

GRAND TOAL: 1.213 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN